

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2020.

V/v: “Ly hôn giữa bà D và ông Đ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Ông Păng Ting Nôck

2-Ông Từ Hồng Hải.

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Hiền– Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 776/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: Số 98/2 thôn X, xã thành phố, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đào, địa chỉ: Số 97/ 10 Tổ T , phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: bà và ông Đ kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung và chăm sóc cha mẹ chồng tại nhà cha mẹ chồng tại địa chỉ số 97/2 Tổ T, phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2016 thì ba chồng mất, tháng 10/2019 thì mẹ chồng mất. Vợ chồng vẫn ở trong nhà đó vì trước khi ông bà mất đã giao nhà, Đất đai cho hai vợ chồng bà. Cuộc sống chung của hai vợ chồng hòa thuận được gần 2 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do ông Đ thường xuyên sử dụng rượu, đánh đập, xua đuổi thậm tệ. ông Đ thường xuyên trốn tránh trách nhiệm phó mặc cho một mình bà lo cho ba mẹ chồng và hai đứa con nhỏ. Ông Đ không có lập trường nghe lời xúi giục của người khác về đánh bà, không biết quý trọng những gì bà đã làm cho gia đình ông Đ trong suốt 10 năm qua, ông Đ coi bà như người giúp việc, còn tệ hơn nữa là chưa bao giờ nấu cháo hay mua thuốc những khi tôi ốm. bà cảm thấy ngột ngạt và khó chịu nên hiện nay đã sống ly thân với ông Đ. Bà yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Huỳnh Nguyễn Nhật H, sinh ngày 24/8/2010 và Huỳnh Nguyễn Khánh H, sinh ngày 26/01/2019. Hiện con ở với bố. Ly hôn, bà để ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên vì bà không có chỗ ở nào khác, và chưa có việc làm, hiện nay bà bị bệnh, chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có.

Theo các tài liệu thể hiện tại hồ sơ và quá trình tố tụng bị đơn ông Huỳnh Văn Đ trình bày: Về thời gian kết hôn là đúng như bà D đã trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng xuất từ sự bất đồng giữa vợ và gia đình anh chị em ông, mà không giải quyết được. Nay bà D ly hôn ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Huỳnh Nguyễn Nhật H, sinh ngày 24/8/2010 và Huỳnh Nguyễn Khánh H, sinh ngày 26/01/2019. Hiện con ở với ông. Ly hôn, ông yêu cầu nuôi con tên Huỳnh Nguyễn Nhật H theo nguyện vọng của con, còn con tên Huỳnh Nguyễn Khánh H, ông yêu cầu mẹ phải nuôi vì cháu còn nhỏ.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có.

Tại phiên tòa các đương sự không thay đổi, bổ sung yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, của những người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Văn Đ. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Nhật H, sinh ngày 24/8/2010 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng và Huỳnh Nguyễn Khánh H, sinh ngày 26/01/2019 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp, nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Bà Nguyễn Thị D, có đơn khởi kiện ông Huỳnh Văn Đ có Địa chỉ: Số 97/2 Tổ T, phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, yêu cầu xin ly hôn và giao con cho ông Đào nuôi con, ông Đào đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý nuôi hết hai con nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn và quyền nuôi con” theo qui định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Văn Đ kết hôn vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Văn Đ tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, qua các tài liệu thể hiện tại hồ sơ và ý kiến tranh tụng tại phiên tòa mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ, dẫn đến không còn sự tôn trọng nhau, đánh đập nhau ... Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đồng viên bà Nguyễn Thị D trở lại hằn gấn tình cảm vợ chồng với ông Huỳnh Văn Đ, nhưng do ông Đ không chấp nhận để bà D trở lại gia đình ông nên bà D vẫn yêu cầu được ly hôn. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D là có căn cứ, nên áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị D cho ly hôn Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Văn Đ.

[3] Về con chung: Giữa bà D và ông Đ có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Nhật H, sinh ngày 24/8/2010 và Huỳnh Nguyễn Khánh H, sinh ngày 26/01/2019, hiện con ở với ông Đ. Ly hôn, bà D yêu cầu để ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, ông Đ yêu cầu bà D nuôi con tên Huỳnh Nguyễn Khánh H vì con còn nhỏ ông không thể chăm sóc được. Xét cháu Huỳnh Nguyễn Nhật H có nguyện vọng được ở với ông Đ vì vậy giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Đối với cháu Huỳnh Nguyễn Khánh H chưa 3 tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ vì vậy giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên là phù hợp với qui định của pháp luật. Do mỗi bên nuôi mỗi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Hai bên không có nên không đề cập.

[5] Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập

[6] Về án phí: Nguyễn Thị D, phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Văn Đ

2. Về quyền nuôi con: Giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Nhật H, sinh ngày 24/8/2010 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng và Huỳnh Nguyễn Khánh H, sinh ngày 26/01/2019 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4- Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí bà Nguyễn Thị D đã nộp theo biên lai thu số AAA/2016/0017035 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

5- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D, ông Huỳnh Văn Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh L (02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND Phường K, tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga

